TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/HS-ST
Ngày 16-10-2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thực

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Xuân Lợi và ông Phạm Văn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Đinh Xuân Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2019/TLST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXXST-HS ngày 04/10/2019, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 06/9/1992; tại: xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: lái máy xúc; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị S; vợ Nguyễn Thị L và có 01 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 02/3/2011 bị TAND huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xử phạt 12 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" tại bản án hình sự sơ thẩm số 11/2011/HSST. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú", có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Anh Võ Văn H; nơi cư trú: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Mai Trung T; nơi cư trú: thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Những người làm chứng: Bà Trần Thị L, anh Trần Xuân H, anh Trần Đức D, chị Phan Thị S. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 22/6/2019, Nguyễn Văn T sang nhà anh Võ Văn H để mượn xe mô tô của anh H đi công việc. Khi tới nhà anh H, T đứng ngoài sân gọi vào nhà nhưng không có ai trả lời nên T đi vào nhà bằng lối cửa phụ. Khi vào trong nhà T thấy anh H đang nằm ngủ, quan sát xung quanh thấy có 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9, màu xanh đang xạc pin đặt trên chiếc loa để ở gần cửa ra vào. T đi lại dùng tay phải cầm điện thoại, tay trái rút dây xạc ra khỏi điện thoại rồi cầm điện thoại đi ra sân nằm trên võng chơi điện thoại. Khoảng 5 phút sau, T nảy sinh ý định lấy điện thoại của anh H mang đi bán lấy tiền tiêu xài nên đã cầm điện thoại về nhà. T mang điện thoại đến bán cho anh Trần Xuân H ở thôn M, xã Q nhưng anh H không mua. Sau đó, T đến nhà anh Trần Đức D thuê anh D chở vào Ròn có việc nên anh D đã đồng ý. Lúc lên xe T bảo anh D chở T đến quán điện thoại di động Ngự Bình ở thôn D, xã Q. Đến nơi, T xuống xe và đi vào quán bán điện thoại nhưng không có chủ quán ở nhà nên T quay lại xe bảo anh D chở đến cửa hàng điện thoại di động Thành Dương tại thôn D, xã Q. T xuống xe vào quán trao đổi với chủ quán là anh Mai Trung T bán điện thoại di động đã trộm cắp được của anh H với số tiền là 2.200.000 đồng. Sau khi bán được điện thoại, T ra xe và bảo anh D chở về nhà và trả cho anh D tiền thuê xe là 200.000 đồng, trả nợ cho anh H là 780.000 đồng, số tiền còn lại T cất giữ, sau đó bị cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Trạch thu giữ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 30/KL-HĐ ngày 25/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Quảng Trạch, kết luận: Giá trị thiệt hại về tài sản là 4.800.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt đã được thu giữ kịp thời giao trả cho người bị hại. Đối với số tiền 2.200.000 đồng mà bị cáo có được do bán điện thoại cho anh Mai Trung T đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ từ bị cáo 1.200.000 đồng trả lại cho anh T, số tiền còn lại bị cáo và anh T đã thỏa thuận hoàn trả đầy đủ.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ vật chứng là chiếc điện thoại di động OPPO F9, màu xanh, RAM 4GB, máy đã qua sử dụng và đã được xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với anh Trần Đức D là người chở bị cáo đi bán điện thoại, anh Mai Trung T là người mua điện thoại do bị cáo trộm cắp đem bán nhưng xác định trong quá trình thuê xe và chở bị cáo đi, cũng như việc anh T mua điện thoại của bị cáo thì anh D, anh T không biết bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội và tài sản do phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng cũng cần nhắc nhở, phòng ngừa chung.

Tại Cáo trạng số 32/CT-VKSQT ngày 04 tháng 9 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo toàn bộ nội dung Cáo trạng, có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 12 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ; khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo trong thời gian chấp hành án; buộc bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và nhất trí với tội danh, khung hình phạt, mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch đã truy tố, kết tội bị cáo. Người bị hại, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T đã thừa nhận và khai nhận: Vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 22/6/2019, lợi dụng lúc anh Võ Văn H đang ngủ, người nhà đi vắng, mất cảnh giác trong việc trông giữ tài sản, đã lén lút lấy trộm

tài sản là 01 điện thoại di động hiệu OPPO F9, màu xanh mang đi bán lấy tiền phục vụ mục đích tiêu xài cá nhân. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt theo kết luận của cơ quan chuyên môn là 4.800.000 đồng. Xét lời khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa và trong giai đoạn điều tra, truy tố là hoàn toàn phù hợp và thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận, bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện là nguy hại cho xã hội, hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của anh Võ Văn H được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý bất bình trong nhân dân. Vì muốn có tiền phục vụ mục đích bản thân bị cáo đã coi thường pháp luật, coi thường tài sản của người khác, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần quyết định một hình phạt tương xứng đối với tính chất của hành vi phạm tội, mức độ, hậu quả mà bị cáo gây ra. Nhằm để răn đe, giáo dục bị cáo có ý thức tuân thủ pháp luật và quy tắc của cuộc sống, đồng thời phòng ngừa và đấu tranh phòng chống tội phạm trong xã hội, giữ gìn trật tự công cộng.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng thì bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Xét về nhân thân thì bị cáo đã bị TAND huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xử phạt 12 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" tại bản án hình sự sơ thẩm số 11/2011/HSST ngày 02/3/2011. Bị cáo đã chấp hành xong bản án và đã được xóa án tích. Xét về các tình tiết giảm nhẹ thấy rằng: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận thức được việc làm sai trái của mình để có hướng khắc phục, sữa chữa lỗi lầm; phạm tội gây thiệt hại không lớn; đã tự nguyện khắc phục, hoàn trả đầy đủ thiệt hại gây ra và được người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, h, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, được áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Không chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị áp dụng Điều 36 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ và khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo trong thời gian chấp hành án. Bởi vì, bị cáo đã từng bị xử lý hình sự, mặc dù đã được xóa án tích nhưng có nhân thân không tốt nên áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là chưa nghiêm, chưa tương xứng. Hội đồng xét xử, căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả, nhân thân,

các tình tiết giảm nhẹ và xét thấy bị cáo nơi cư trú ổn định, rõ ràng, có đủ điều kiện được rèn luyện, cải tạo tại địa phương nên căn cứ Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xét xử cho bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, giao về chính quyền địa phương phối hợp cùng gia đình quản lý, giám sát như vậy là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định, "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng". Vì vậy, ngoài hình phạt chính cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo như vậy là phù hợp, nhằm tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt đã được thu giữ kịp thời giao trả cho người bị hại theo quy định. Đối với số tiền 2.200.000 đồng mà bị cáo có được do bán điện thoại cho anh Mai Trung T đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ từ bị cáo 1.200.000 đồng trả lại cho anh T, số tiền còn lại là 1.000.000 đồng bị cáo và anh T cũng đã thỏa thuận, theo đó bị cáo đã hoàn trả đầy đủ cho anh T. Đến tại phiên toà hôm nay không ai có ý kiến, yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án đã được tạm giữ để điều tra và được xử lý trả lại điện thoại di động OPPO F9, màu xanh, RAM 4GB, máy đã qua sử dụng cho chủ sở hữu là anh Võ Văn H theo quy định của pháp luật. Đến tại phiên tòa không ai có ý kiến, yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 173; các điểm b, h, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 16/10/2019.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn T số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Thời gian chấp hành hình phạt bổ sung kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình phối hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

4. Về xử lý vật chứng: Không xem xét.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Công an huyện Quảng Trạch;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- THADS huyện Quảng Trạch;
- Bị cáo; bị hại; NCQL,NVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Ngọc Thực